| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN C**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 7- 2019
V/v tranh chấp HNGĐ
Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG THÁP**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Võ Thị Ngọc Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Bé Hai.

2. Ông Phạm Phước Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Diểm K (Nguyễn Thị Diễm K), sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Võ Văn T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Diểm K (Nguyễn Thị Diễm K) là nguyên đơn trình bày**:

-Về hôn nhân: Chị K và anh T đăng ký kết hôn ngày 16/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng thời gian gần đây, vợ chồng thường có mâu thuẫn, cự cãi do anh T có quan hệ bất chính với người khác và nhiều lần có hành vi bạo lực với

chị K. Chị K đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên nay chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Thanh Ng, sinh ngày 06/3/1999 và Võ Khắc Đ, sinh ngày 02/4/2011. Hiện nay, 02 con chung đang sống với mẹ. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Võ Khắc Đ, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Con chung Võ Thị Thanh Ng đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

-Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

-Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn là anh Võ Văn T đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của chị K nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Diễm K (Photo);

- 01 Sổ hộ khẩu (Photo);

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);

- 01 Giấy khai sinh tên Võ Thị Thanh Ng, sinh ngày 06/3/1999 (Bản sao);

- 01 Giấy khai sinh tên Võ Khắc Đ, sinh ngày 02/4/2011 (Photo);

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị K có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với anh Võ Văn T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

Anh Võ Văn T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Võ Văn T là bị đơn trong vụ kiện nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của chị K. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh T đăng ký kết hôn ngày 16/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, do đó hôn nhân giữa chị K và anh T là hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng thời gian gần đây, vợ chồng thường có mâu thuẫn, cự cãi do anh T có quan hệ bất chính với người khác và nhiều lần có hành vi bạo lực với chị K. Chị K đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không sửa đổi.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Võ Văn T tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị K. Xét thấy giữa chị K và anh T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của chị K và anh T không đạt được. Nay chị K yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị K và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị K.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Thanh Ng, sinh ngày 06/3/1999 và Võ Khắc Đ, sinh ngày 02/4/2011. Hiện nay, 02 con chung đang sống với chị K. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Võ Khắc Đ, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Con chung Võ Thị Thanh Ng đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con "* và khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình có quy định: *" ...2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*.

Căn cứ vào bản tự khai ngày 09/7/2019, cháu Võ Khắc Đ có nguyện vọng được sống với chị K. Hiện nay, cháu Đ đang do chị K nuôi dưỡng, chăm sóc, cho ăn học đầy đủ. Do đó, giao con chung tên Võ Khắc Đ, sinh ngày 02/4/2011 cho chị K được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và anh T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng số tiền ½ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành án, thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Con chung tên Võ Thị Thanh Ng, sinh ngày 06/3/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Anh Võ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị K trình bày tài sản tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Anh T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị K trình bày không có nợ chung, anh T không có trình bày về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị K phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và anh Võ Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Diễm K (Nguyễn Thị Diểm K).

- Về hôn nhân: Chị K được ly hôn với anh Võ Văn T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Diễm K được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Khắc Đ, sinh ngày 02/4/2011. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng bằng số tiền ½ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành án, thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Con chung tên Võ Thị Thanh Ng, sinh ngày 06/3/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị K và anh T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006345 ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị K đã nộp xong án phí.

Anh Võ Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Ngọc Minh**